

Số: 7563 /TB-SXD-KTVLXD Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2026

## THÔNG BÁO

### V/v công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh tháng 02/2026

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;  
Luật số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều  
của Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của  
Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ  
trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí  
đầu tư xây dựng (đã được sửa đổi, bổ sung tại các Thông tư số 14/2023/TT-BXD  
ngày 29 tháng 12 năm 2023; Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22 tháng 01  
năm 2025; Thông tư số 60/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ  
trưởng Bộ Xây dựng);

Căn cứ Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2025 của  
Ủy ban nhân dân Thành phố về ủy quyền cho Giám đốc Sở Xây dựng và Ủy ban  
nhân dân xã, phường, đặc khu thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban  
nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong công tác quản lý nhà nước thuộc lĩnh  
vực xây dựng;

Sở Xây dựng công bố giá vật liệu xây dựng và một số vật tư phổ biến  
trong công trình xây dựng để làm cơ sở tham khảo trong việc lập và quản lý chi  
phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

#### I. Nội dung công bố giá

#### NHÓM 1. THÉP XÂY DỰNG

##### 1.1. Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam – VNSTEEL

Theo Công văn số 97/TMN-KD ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Công ty  
TNHH Một thành viên Thép Miền Nam – VNSteel.

##### 1.2. Công ty TNHH Thép Vina Kyoiei

Theo Công văn số 01.26/VKS-KKG ngày 14 tháng 01 năm 2026 và số  
02.26/VKS-KKG ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Công ty TNHH Thép Vina  
Kyoiei.

## **NHÓM 2. XI MĂNG**

### **2.1. Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long**

Theo Công văn số 30/2025/CV-CNTL-TT ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long.

### **2.2. Chi nhánh Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên – Xí nghiệp Tiêu thụ và Dịch vụ xi măng Vicem Hà Tiên**

Theo Công văn số 42/TTDV-PHTT ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chi nhánh Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên – Xí nghiệp Tiêu thụ và Dịch vụ xi măng Vicem Hà Tiên.

### **2.3. Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long**

Theo Công văn số 1099/TB-VCHL-KDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long.

## **NHÓM 3. VỮA**

### **3.1. Công ty Cổ phần Bê tông FiCO Pan-United**

Theo Công văn số FPU/06-2025 ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Công ty Cổ phần bê tông FiCO Pan-United.

## **NHÓM 4. DÂY, CÁP ĐIỆN**

### **4.1. Công ty CP Dây Cáp điện Việt Nam (CADIVI)**

Theo Công văn số 6661/CV-K.KD ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Công ty CP Dây Cáp điện Việt Nam (CADIVI).

## **NHÓM 5. ÓNG CỐNG, CỌC BÊ TÔNG**

### **5.1. Công ty TNHH Xây dựng Công trình Hùng Vương**

Theo Công văn số 33 CVHV.25 ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Công ty TNHH Xây dựng Công trình Hùng Vương.

## **NHÓM 6. VẬT LIỆU LỢP**

### **6.1. Công ty TNHH Tôn Pomina**

Theo Công văn số 166/2025-PMN ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Công ty TNHH Tôn Pomina.

## **NHÓM 7. GẠCH KHÔNG NUNG**

### **7.1. Công ty Cổ phần Vật liệu xanh Đại Dũng**

Theo Công văn số Q1.2026/CBG-SXD ngày 02 tháng 01 năm 2026 của Công ty Cổ phần Vật liệu xanh Đại Dũng.

### **7.2. Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế - Xây dựng Lê Hùng**

Theo Công văn số 01/CBG/2026 ngày 28 tháng 11 năm 2026 của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế - Xây dựng Lê Hùng.

### **7.3. Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương**

Theo Công văn số 28/MC-BCA ngày 01 tháng 02 năm 2026 của Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương.

## **NHÓM 8. VẬT LIỆU ỐP LÁT**

### **8.1. Công ty Cổ phần Thạch Bàn Sài Gòn**

Theo Công văn số 01.26/DNCBG-TPHCM-TBSG ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Công ty Cổ phần Thạch Bàn Sài Gòn.

### **8.2. Công ty TNHH Sơn Thạch**

Theo Công văn số 01/CVST ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Công ty TNHH Sơn Thạch.

## **NHÓM 9. ĐÁ**

### **9.1. Công ty Cổ phần Tân Cang**

Theo Công văn số 55/08/2024-TC ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Công ty Cổ phần Tân Cang.

### **9.2. Doanh nghiệp khai thác khoáng sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh <sup>1</sup>**

Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm.

### **9.3. Đá xây dựng tham khảo giá thị trường theo báo cáo tình hình giá của các Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu <sup>2</sup>**

Chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm

## **NHÓM 10. CÁT**

### **10.1. Công ty Cổ phần Tân Cang**

Theo Công văn số 55/08/2024-TC ngày 23 tháng 8 năm 2024 của Công ty Cổ phần Tân Cang.

### **10.2. Doanh nghiệp khai thác khoáng sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh <sup>3</sup>**

Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm.

### **10.3. Cát xây dựng tham khảo giá thị trường theo báo cáo tình hình giá của các Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu <sup>4</sup>**

Chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm.

## **NHÓM 11. COFFA**

<sup>1</sup> Sở Xây dựng nhận được báo cáo của 16 đơn vị (01 đơn vị đã hết hạn giấy phép khai thác khoáng sản), trong đó có 06 đơn vị báo cáo cơ bản phù hợp quy định.

<sup>2</sup> Sở Xây dựng nhận được báo cáo của 07 đơn vị: phường Bình Quới, phường Bình Tân, phường Cầu Ông Lãnh, phường Chánh Hưng, phường Phú Thọ, phường Thạnh Mỹ Tây, phường Thông Tây Hội. Trong đó có 01 đơn vị báo cáo cơ bản phù hợp quy định là phường Cầu Ông Lãnh.

<sup>3</sup> Sở Xây dựng nhận được báo cáo của 03 đơn vị, trong đó có 01 đơn vị báo cáo cơ bản phù hợp quy định.

<sup>4</sup> Sở Xây dựng nhận được báo cáo của 07 đơn vị: phường Bình Quới, phường Bình Tân, phường Cầu Ông Lãnh, phường Chánh Hưng, phường Phú Thọ, phường Thạnh Mỹ Tây, phường Thông Tây Hội. Trong đó có 01 đơn vị báo cáo cơ bản phù hợp quy định là phường Thông Tây Hội.

Không có đơn vị tham gia công bố giá.

## **NHÓM 12. BÊ TÔNG NHỰA NÓNG**

### **12.1. Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn**

Theo Công văn số 47/CTGTSG ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn.

### **12.2. Công ty TNHH bê tông nhựa nóng Anco**

Theo Công văn số 0102/ANCO ngày 01 tháng 2 năm 2026 của Công ty TNHH Bê tông nhựa nóng Anco.

## **NHÓM 13. NHỰA ĐƯỜNG NHỮ TƯƠNG**

### **13.1. Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn**

Theo Công văn số 47/CTGTSG ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn.

### **13.2. Công ty TNHH Cung ứng Nhựa đường (ADCo)**

Theo Công văn số 69/ADCo-HC ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Công ty TNHH Cung ứng Nhựa đường (ADCo).

## **NHÓM 14. BÊ TÔNG THƯƠNG PHẨM (bê tông trộn sẵn)**

### **14.1. Công ty Cổ phần Bê tông FiCO Pan-United**

Theo Công văn số FPU/06-2025 ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Công ty Cổ phần bê tông FiCO Pan-United.

### **14.2. Công ty Cổ phần Bê tông và Xây lắp Hodeco**

Theo Công văn số 42/BTHODECO/09/2025 ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Công ty Cổ phần Bê tông và Xây lắp Hodeco.

### **14.3. Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại và Xây dựng Việt Hàn**

Theo Công văn số VHC/GBT/01/2026 ngày 05 tháng 01 năm 2026 của Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại và Xây dựng Việt Hàn.

## **NHÓM 15. TRỤ ĐÈN**

Không có đơn vị tham gia công bố giá.

## **NHÓM 16. VẢI ĐỊA KỸ THUẬT**

### **16.1. Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Liên Phát**

Theo Công văn số 260201-01/CV-LP ngày 01 tháng 02 năm 2026 của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Liên Phát.

## **NHÓM 17. RỌ ĐÁ**

### **17.1. Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Liên Phát**

Theo Công văn số 260201-01/CV-LP ngày 01 tháng 02 năm 2026 của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Liên Phát.

## **NHÓM 18. SƠN, BỘT BẢ CÁC LOẠI**

### **18.1. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Hoàng Gia**

Theo Công văn số 26001/TB-HG ngày 05 tháng 01 năm 2026 của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Hoàng Gia.

### **18.2. Công ty Cổ phần Sản xuất Sơn Hà Nội**

Theo Công văn số 01.11/CV-2025 ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Công ty Cổ phần Sản xuất Sơn Hà Nội.

### **18.3. Công ty TNHH Yulung Paint Manufacturing (Việt Nam)**

Theo Công văn số 01/CV-YL ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Công ty TNHH Yulung Paint Manufacturing (Việt Nam).

### **18.4. Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam)**

Theo Công văn số 01/2026/NPV ngày 02 tháng 01 năm 2026 của Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam).

### **18.5. Công ty TNHH Sơn Thế Hệ Mới**

Theo Công văn số 01.12.25/THM ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Công ty TNHH Sơn Thế Hệ Mới.

### **18.6. Công ty TNHH Sơn KOVA NANOPRO**

Theo Công văn số 01-2026/CV-KN ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Công ty TNHH Sơn KOVA NANOPRO.

### **18.7. Công ty Cổ phần sơn và chất phủ Hòa Bình**

Theo Công văn số 0801/2026/CV/SXD-HBP ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Công ty Cổ phần sơn và chất phủ Hòa Bình.

### **18.8. Công ty Cổ phần Sivico**

Theo Công văn số 01/2026/SVC ngày 05 tháng 01 năm 2025 của Công ty Cổ phần Sivico.

## **NHÓM 19. TÁM THẠCH CAO**

Không có đơn vị tham gia công bố giá.

## **NHÓM 20. ÓNG NHỰA**

### **20.1. Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu Xanh**

Theo Công văn số 112/CV/Europipe-25 ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu Xanh.

### **20.2. Công ty TNHH Nhựa Đạt Hòa**

Theo Công văn số 169/CV/ĐH-25 ngày 03 tháng 9 năm 2025, số 25/CV/ĐH-26 ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Công ty TNHH Nhựa Đạt Hòa.

## **NHÓM 21. BÓNG ĐÈN VÀ PHỤ KIỆN ĐIỆN**

### **21.1. Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Tín Lợi**

Theo Công văn số 009/TL2025 ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Tín Lợi.

## **NHÓM 22. CỬA**

### **22.1. Công ty Cổ phần Alumin Japan**

Theo Công văn số 01/2025/ALMJP-CV ngày 01 tháng 10 năm 2025 của Công ty Cổ phần Alumin Japan.

### **22.2. Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành**

Theo Công văn số 01ĐTT ngày 04 tháng 01 năm 2026 của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành.

### **22.3. Công ty Cổ phần Thương mại 125**

Theo Công văn số 002/vlxd125 ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Công ty Cổ phần Thương mại 125.

## **NHÓM 23. KÍNH XÂY DỰNG**

Không có đơn vị tham gia công bố giá.

## **NHÓM 24. MÀNG PHẢN QUANG**

### **24.1. Công ty TNHH Đình Phương Nam**

Theo Công văn số 04/2025/CV-ĐPN ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Công ty TNHH Đình Phương Nam.

## **NHÓM 25. VẬT LIỆU VÀ CẤU KIỆN KHÁC**

### **25.1. Công ty TNHH Sigen**

Theo Công văn số 94/2025/SIGEN ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Công ty TNHH Sigen.

### **25.2. Công ty TNHH GPS Việt Nam**

Theo Công văn số 1806/GPS/CV/2025 ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Công ty TNHH GPS Việt Nam.

### **25.3. Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam, tên viết tắt là BUSADCO**

Theo Công văn số 251/CV-KHCNVN ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam.

## **3. Một số nội dung cần lưu ý**

**1.** Văn bản cung cấp thông tin giá, đính kèm bảng niêm yết giá sản phẩm, hàng hóa của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh nêu trên được công bố kèm theo Thông báo này được **đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng Thành phố**

**Hồ Chí Minh theo địa chỉ <https://soxaydung.hochiminhcity.gov.vn/home> (mục Thông tin chuyên ngành – Kinh tế và Vật liệu xây dựng).**

2. Giá công bố nêu trên được xác định và công bố theo giá niêm yết do các đơn vị sản xuất, kinh doanh cung cấp, đồng thời có tham khảo giá thị trường; chưa loại trừ các khoản chiết khấu, hoa hồng, ưu đãi (nếu có) của các đơn vị sản xuất, kinh doanh.

3. Giá công bố của các loại vật liệu phổ biến nêu trên là giá dùng để tham khảo trong việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, không dùng để thanh quyết toán. Việc thanh quyết toán chi phí phải thực hiện phù hợp theo quy định pháp luật hiện hành.

4. Tổ chức, cá nhân liên quan khi sử dụng thông tin về giá vật liệu để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình:

- Trường hợp vật liệu xây dựng chưa có trong công bố giá hoặc đã có nhưng chủng loại vật liệu không phù hợp với yêu cầu về tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng, khả năng cung ứng và các điều kiện cụ thể khác theo từng dự án, công trình thì giá vật liệu xây dựng để xác định giá xây dựng công trình được thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá lựa chọn trên cơ sở tham khảo các nguồn thông tin về giá vật liệu xây dựng theo hướng dẫn tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD.

- Khuyến khích lựa chọn vật liệu xây dựng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường khi lập báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng và xác định chi phí đầu tư xây dựng cho công trình, dự án nhưng phải đảm bảo hiệu quả đầu tư và đáp ứng yêu cầu của dự án; trường hợp dự án có yêu cầu phải sử dụng vật liệu xây dựng đặc thù, không phổ biến trên thị trường, hoặc sử dụng vật liệu nhập khẩu thì phải thuyết minh cụ thể trong Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và thuyết minh thiết kế xây dựng theo quy định.

- Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm khi lựa chọn sử dụng thông tin giá vật liệu trong Bảng công bố này, chịu trách nhiệm quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo đúng quy định của Luật Xây dựng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng và các quy định hiện hành có liên quan.

- Khi các đơn vị thực hiện khảo sát, xác định giá vật liệu; đề nghị lưu ý về việc vật liệu phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

- Thường xuyên rà soát, báo cáo và đề xuất Sở Xây dựng cập nhật các loại vật liệu xây dựng chủ yếu, thiết bị công trình phổ biến vào danh mục để xem xét công bố giá; các khó khăn, vướng mắc, đề xuất giải pháp, kiến nghị (nếu có), để được hướng dẫn, hoặc tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng tháo gỡ kịp thời.

5. Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 04/2023/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ Xây dựng: “Đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất,



nhập khẩu hàng hóa VLXD đã được cấp Giấy chứng nhận hợp quy phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 16:2019/BXD và Giấy chứng nhận còn hiệu lực thì được phép sử dụng Giấy chứng nhận hợp quy và dấu hợp quy cho đến khi hết hiệu lực của Giấy chứng nhận đó". Do đó, một số thông tin về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong văn bản cung cấp thông tin giá của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh nêu trên vẫn còn áp dụng QCVN 16:2019/BXD do giấy chứng nhận hợp quy còn hiệu lực.

6. Đối với các loại vật liệu chống cháy, các đơn vị cần lưu ý xem xét, đánh giá theo các yêu cầu kỹ thuật của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình và các tiêu chuẩn kỹ thuật bắt buộc áp dụng được viện dẫn trong quy chuẩn, theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

7. Đề nghị các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu được công bố giá

- Cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động sản xuất, kinh doanh, giá và chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định pháp luật khi cơ quan quản lý Nhà nước có yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin đã cung cấp.

- Thực hiện các nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định pháp luật về hoạt động doanh nghiệp, thương mại, giá, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các quy định khác có liên quan.

- Không vi phạm các hành vi bị cấm trong hoạt động sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa theo quy định pháp luật.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị báo cáo, đề xuất, kiến nghị về Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh (Phòng Kinh tế và Vật liệu xây dựng, số 60 Trương Định, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh) hoặc cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền để được xem xét, hướng dẫn thực hiện. /.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng;
- Các Sở ban ngành;
- UBND phường, xã, đặc khu;
- Giám đốc Sở (để báo cáo);
- VPS (để đăng tải website);
- Lưu: VT, KTVLXD/NTB, NTHH.

Đính kèm: 02 Phụ lục. *leu (02)*

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Khải Quốc Bình**

**Phụ lục 1**  
**CÔNG BỐ GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG**  
**THEO BÁO CÁO CỦA DOANH NGHIỆP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

(Đính kèm Thông báo số 7565 /TB-SXD-KT VLXD ngày 10 / 3 /2026 của Sở Xây dựng)

**I. ĐÁ XÂY DỰNG**

Stt	Nhóm vật liệu*	Thành phẩm vật liệu xây dựng thời điểm hiện tại	Đơn vị*	Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Cường độ nén của đá nguyên khai ở trạng thái bão hòa hoặc mức đá dăm	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*	Chênh lệch so với kỳ niêm yết trước (Tỷ lệ % tăng/giảm)	Khả năng cung ứng thực tế tại thời điểm hiện tại (m3/tháng)	Trữ lượng khai thác còn lại (m3)	Ghi chú (tỷ trọng quy đổi)
1	<b>Mô đá Thanh Tâm của Công ty Cổ phần Thanh Tâm (Khu phố Ông Trịnh, phường Tân Phước, Thành phố Hồ Chí Minh)</b>												
	Đá xây dựng	Đá 1x2 (10-25)	tấn	QCVN16:2019/BXD			Khả năng cung ứng, công suất tối đa 1 (một) năm là 750.000m3	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ	292.945		5.000	7.467.705	1,52
	Đá xây dựng	Đá 1x2 (15-30)	tấn	QCVN16:2019/BXD					290.182		40.000		1,52
	Đá xây dựng	Đá 20x40	tấn	TCCS01/THAN HTAM					231.091		16.000		1,64
	Đá xây dựng	Đá mi sàng	tấn	QCVN16:2019/BXD					212.727		4.000		1,5
	Đá xây dựng	Bột đá (0-6)	tấn	QCVN16:2019/BXD					215.454		30.000		1,5
	Đá xây dựng	Đá 4*6	tấn	QCVN16:2019/BXD					234.000		1.000		1,56
2	<b>Mô lô 14 núi Thị Vải, xã Châu Pha của Công ty TNHH KT SX VLXD Thuận Lập (Áp 6 xã Châu Pha, Thành phố Hồ Chí Minh)</b>												
	Đá xây dựng	Đá 1x1	tấn	TCVN 7570	5x19; 5x20mm	- Ở trạng thái bão hòa: 262 MPa - Ở trạng khô: 266 MPa	Giao hàng lên phương tiện vận chuyển bên mua tại kho bãi Công ty tại Ấp 6, Châu Pha, Hồ Chí Minh. Đã có thuế tài nguyên, phí BVMT.	Không cung cấp dịch vụ vận chuyển	209.091		20.000	15.468.626	
	Đá xây dựng	Đá 1x2	tấn	TCVN 7570	5x23,5mm				200.000		18.000		
	Đá xây dựng	Đá Mi cát Titan	tấn	TCVN 7570	0,1x6mm				181.818		15.000		
	Đá xây dựng	Đá Mi sàng Titan	tấn	TCVN 7570	5x13mm				181.818		8.000		
	Đá xây dựng	Đá 5x7 (4x6) chuẩn	tấn	TCVN 8857:2011	40-60 mm				172.727		4.000		
	Đá xây dựng	Đá 5x7 (4x6) kho chứa	tấn	TCVN 8857:2011	40-60 mm				168.182		-		
	Đá xây dựng	Đá cấp phối 0x4 xanh	tấn	TCVN 8859:2011	37.5 mm				163.636		6.000		

3	Mỏ đá Tân Mỹ, xã Thường Tân của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (Số 8 Nguyễn Thị Minh Khai, tổ 9, khu phố Hòa Lân 1, phường Thuận Giao, Thành phố Hồ Chí Minh)											
	Đá xây dựng	Đá 1 x 2	tấn	TCVN 8859:2011	05 - 20mm	Khối lượng cung cấp tính theo tấn qua Trạm cân, không bao gồm vận chuyển, chỉ bốc xúc lên phương tiện vận chuyển tại mỏ.	Không vận chuyển, vận chuyển do các đơn vị tự đảm nhiệm	182.500			11.731.886	
	Đá xây dựng	Đá 0 x 4	tấn	TCVN 8859:2011	05 - 40mm			128.000				
	Đá xây dựng	Đá Dmax 025	tấn	TCVN 8859:2011	0 - 25mm			155.200				
	Đá xây dựng	Đá Mi	tấn	TCVN 8859:2011	0 - 08mm			132.500				
4	Mỏ đá Tam Lập 3, xã Phú Giáo của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (Số 8 Nguyễn Thị Minh Khai, tổ 9, khu phố Hòa Lân 1, phường Thuận Giao, Thành phố Hồ Chí Minh)											
	Đá xây dựng	Đá 1x2	tấn	TCVN 7570:2006	05 - 20mm	Khối lượng cung cấp tính theo tấn qua Trạm cân, không bao gồm vận chuyển, chỉ bốc xúc lên phương tiện vận chuyển tại mỏ.	Không vận chuyển, vận chuyển do các đơn vị tự đảm nhiệm	230.000			6.879.134	
	Đá xây dựng	Đá 4x6	tấn	TCVN 7570:2006	20 - 70mm			175.000				
	Đá xây dựng	Đá 0x4	tấn	TCVN 8859:2023	05 - 40mm			160.000				
	Đá xây dựng	Đá 0x25	tấn	TCVN 8859:2023	0 - 25mm			220.000				
	Đá xây dựng	Đá Mi	tấn	TCVN 8859:2023	0 - 08mm			190.000				
5	Mỏ đá xây dựng lô 14A núi Thị Vải, xã Châu Pha của Công ty Cổ phần Phú Đức Chính (Tổ 1, ấp 6, xã Châu Pha, Thành phố Hồ Chí Minh)											
	Đá xây dựng	Đá 0x4	m3	TCVN 8859:2023				285.000		119.622,50		
	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3	TCVN 7570:2006				345.455		444.343,75		
	Đá xây dựng	Đá mi sàng	m3	TCVN 7570:2006				272.727		64.826,25		
	Đá xây dựng	Đá mi bụi	m3					272.727		108.707,50		

6												
Mô đá xây dựng Rạch Rạt thuộc xã Phú Giáo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Đông AHP (Số 112/125, ấp Tân Thịnh, xã Phú Giáo, Thành phố Hồ Chí Minh)												
Đá xây dựng	Đá 0x4	tấn	TCVN 7570:2006			Bán tại mỏ		160.000				
Đá xây dựng	Đá 0x4 Dmax 25	tấn	TCVN 7570:2006			Bán tại mỏ		223.000				
Đá xây dựng	Đá 1x2 L16	tấn	TCVN 7570:2006			Bán tại mỏ		239.000				
Đá xây dựng	Đá 1x2 L25	tấn	TCVN 7570:2006			Bán tại mỏ		240.000				
Đá xây dựng	Đá mi bụi	tấn	TCVN 7570:2006			Bán tại mỏ		140.000				
Đá xây dựng	Đá mi sàng	tấn	TCVN 7570:2006			Bán tại mỏ		190.000				
Đá xây dựng	Đá hộc	tấn				Bán tại mỏ		170.000				
7												
Mô đá xây dựng Núi Lá, xã Phước Tân của Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn (Số 243 đường 27/4, ấp Thạnh Sơn, xã Hồ Tràm, Thành phố Hồ Chí Minh)												
Đá xây dựng	Đá 10x20	m3	TCVN 7570:2006	(10x20)mm		Khả năng cung ứng, công suất tối đa 1 (một) năm là 70.000m3 - Nguyên khối	Giá bán trên phương tiện bên mua tại mỏ	418.000		5.800m3/ tháng (Nguyên khối)	0,581	
Đá xây dựng	Đá 20x40	m3	TCVN 7570:2006	(20x40)mm				418.080				
Đá xây dựng	Đá 40x60	m3	TCVN 7570:2006	(40x60)mm				338.520				
Đá xây dựng	Đá 0 x 4	m3	TCVN 7570:2006	(0 - 40)mm				288.000				
Đá xây dựng	Đá hộc	m3		Đá xô bỏ sau nổ mìn				262.400				
Đá xây dựng	Đá mi sàng	m3						232.500				
Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm Dmax = 37,5mm	m3	TCVN 8859: 2023	0x4mm Dmax = 37,5mm				313.960				
Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm Dmax = 25mm	m3	TCVN 8859: 2023	0x25mm Dmax = 25mm				327.600				



**II. CÁT XÂY DỰNG (CÁT NGHIÊN, CÁT TỰ NHIÊN, CÁT SAN LẤP)**

Stt	Nhóm vật liệu*	Thành phẩm vật liệu xây dựng thời điểm hiện tại	Đơn vị*	Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Modul độ lớn	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*	Chênh lệch so với kỳ niêm yết trước (Tỷ lệ % tăng/giảm)	Khả năng cung ứng thực tế tại thời điểm hiện tại (m3/tháng)	Trữ lượng khai thác còn lại (m3)	Ghi chú
1	Mỏ cát xây dựng Suối Nhánh 3 hồ Dầu Tiếng, xã Minh Thạnh của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản và Khoáng sản Đông Tiến (75 Đường D3, Khu nhà ở TM-DV Sóng Thần, Khu phố Thống Nhất 1, phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh)												
	Cát xây dựng	Cát tự nhiên	m3	QCVN 16:2023/BXD	Cát thô (dùng cho bê tông và vữa)	2-3,3	Cung cấp công trình nhà nước	chỉ bán tại mỏ	- 280.000/m3 (thanh toán trước) - 330.000/m3 (thanh toán sau)			673.573	

02  
LƯU Ý

Phụ lục 2  
**CÔNG BỐ GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG THAM KHẢO GIÁ THỊ TRƯỜNG**  
**THEO BÁO CÁO TÌNH HÌNH GIÁ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG, XÃ, ĐẶC KHU**

(Đính kèm Thông báo số **7563** /TB-SXD-KTVLXD ngày **10** / **3** /2026 của Sở Xây dựng)

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*	
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	
	<b>ĐÁ XÂY DỰNG</b>											
1	Đá xây dựng	Đá 1x2	đồng/m <sup>3</sup>	TCVN 7570:2006		Công ty Cổ phần khoáng sản xây dựng Bình Dương (bãi đá Quận 7, Quận 4)				218 Nguyễn Cư Trinh, phường Cầu Ông Lãnh	Công văn số 70/BC-UBND ngày 05/3/2026 của UBND P.Cầu Ông Lãnh	650.000
	<b>CÁT XÂY DỰNG</b>											
2	Cát xây dựng	Cát san lấp	đồng/m <sup>3</sup>			Công ty Thái Châu - bãi Linh Anh				Công ty TNHH XD TM VL Minh Thanh, 102/56 Lê Văn Thọ, phường Thông Tây Hội	Công văn số 952/UBND-KTHTĐT ngày 10/3/2026 của UBND P.Thông Tây Hội	400.000

